

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 02 năm 2023
Về việc: Xin ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Bà Sùng Thị Mai

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hứa Văn Chế

2. Bà Trần Thị Kim Phụng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Mông Thu Hường – Thư ký
Toà án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông
Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh H xét xử
sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2022/TLST- HNGĐ ngày 06
tháng 12 năm 2022 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ly Thị X; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện X, tỉnh H, vắng
mặt.

- Bị đơn: Anh Vương Nhất Đ; địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh H,
vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2022, bản tự khai ngày 05/12/2022 và quá
trình giải quyết nguyên đơn chị Ly Thị X khai: Chị và anh Vương Nhất Đ chung
sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 không đăng ký kết hôn theo quy định
của pháp luật chỉ làm đám cưới theo phong tục địa phương. Anh, chị chung sống
với nhau được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ không chịu
khó làm ăn, suốt ngày rượu chè, không quan tâm đến gia đình chỉ muốn người
khác phục vụ mình và vì gia đình kinh tế quá khó khăn, nên vợ chồng thường
xuyên cãi chửi nhau, sống không hạnh phúc nay anh Đ ra thành phố H sinh sống
làm thuê không về nhà và có người phụ nữ khác nay chị X nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung. Do vậy chị X đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ;

- Về con chung: Quá trình chung sống chị X và anh Đ có 01 con chung là cháu Vương Tuấn H sinh ngày 22/04/2013, sau khi ly hôn chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Tuấn H đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị X không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 22/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Vương Nhất Đ trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị X về việc vợ chồng anh tự nguyện chung sống và cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 2012, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau nguyên nhân là do làm ăn khó khăn, kinh tế gia đình quá nghèo, nay anh và chị X thấy không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Vương Tuấn H sinh ngày 22/04/2013, sau khi ly hôn chị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Tuấn H đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

- + Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Ly Thị X và anh Vương Nhất Đ là vợ chồng;

- + Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 15; khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Vương Tuấn H, sinh ngày 22/04/2013 cho chị Ly Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Vương Nhất Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật;

+ Về tài sản, công nợ chung: Chị X, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét;

+ Về án phí: Chị Ly Thị X có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm do đó chị Ly Thị X không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ly Thị X có đơn yêu cầu ly hôn anh Vương Nhất Đ, cư trú tại thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ly Thị X và anh Vương Nhất Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ không chịu khó làm ăn, suốt ngày rượu chè, không quan tâm đến gia đình chỉ muốn người khác phục vụ mình và vì gia đình kinh tế quá khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, sống không hạnh phúc nay anh Đ ra thành phố H sinh sống làm thuê không về nhà và có người phụ nữ khác. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được chị X đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Nhất Đ, anh Đ nhất trí ly hôn với chị X. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình để áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ly Thị X và anh Vương Nhất Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị X, anh Đ có 01 con chung là cháu Vương Tuấn H sinh ngày 22/4/2013 Trên cơ sở ý kiến của chị X, anh Đ, nguyện vọng của cháu Vương Tuấn H. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Vương Tuấn H cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ly Thị X có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm do đó chị Ly Thị X không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều

15, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ly Thị X và anh Vương Nhất Đ.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Vương Tuấn H cho chị Xá trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ly Thị X có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm do đó chị Ly Thị X không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt chị Ly Thị X và anh Vương Nhất Đ, báo cho chị X, anh Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TA tỉnh HG;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- THADS TP. H;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Sùng Thị Mai